|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /2017/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

|  |
| --- |
| **Dự thảo 1** |

**NGHỊ ĐỊNH**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 37/2006/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 4 NĂM 2006 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT THƯƠNG MẠI VỀ HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*37/2006/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=177/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) *ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**[**37/2006/NĐ-CP**](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=177/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)**ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại**

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thương nhân thực hiện khuyến mại, gồm:

***Phương án 1***:

a. Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ trực tiếp khuyến mại cho khách hàng của mình hoặc khuyến mại cho khách hàng thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại) của mình theo thỏa thuận.

b. Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại là thương nhân được thương nhân trực tiếp thực hiện khuyến mại ủy quyền, thuê thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động khuyến mại theo hợp đồng dịch vụ khuyến mại.

***Phương án 2:***

a) Thương nhân trực tiếp khuyến mại hàng hóa, dịch vụ mà mình kinh doanh;

b) Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

2. Thương nhân trực tiếp tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, gồm:

a. Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hoặc tổ chức cho các thương nhân khác,tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại);

b. Thương nhân trực tiếp hoặc thuê thương nhân khác tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cho riêng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà mình kinh doanh.

3. Các tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại, các đối tượng có quyền hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điều 91, Điều 103, Điều 131 Luật Thương mại khi thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này.”

2. Điều 3 được bổ sung 01 khoản như sau:

“4. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động xúc tiến thương mại (khuyến mại, hội chợ, triển lãm thương mại) của thương nhân đã được thông báo, đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước hoặc đã bị cơ quan quản lý nhà nước xử lý vi phạm theo quy định.”

3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“**1. Chương trình khuyến mại phải được thực hiện hợp pháp, trung thực, công khai, minh bạch và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, của các thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại phải bảo đảm những điều kiện thuận lợi cho khách hàng trúng thưởng nhận giải thưởng và có nghĩa vụ giải quyết rõ ràng, nhanh chóng các khiếu nại liên quan đến chương trình khuyến mại (nếu có).

3. Thương nhân thực hiện khuyến mại có trách nhiệm bảo đảm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại.

4. Việc thực hiện khuyến mại phải đảm bảo không có sự khuyến khích, đề nghị khách hàng từ bỏ, từ chối hoặc đổi hàng hóa của thương nhân, tổ chức khác hoặc không có điều kiện để được hưởng khuyến mại là việc khách hàng phải từ bỏ, từ chối hoặc đổi hàng hóa của thương nhân, tổ chức khác hoặc không có sự so sánh trực tiếp hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch và của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân khác.

5. Không dược dùng thuốc chữa bệnh cho người, kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông để khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc.

6. Không được sử dụng kết quả xổ số để làm kết quả xác định trúng thưởng, làm căn cứ để tặng, thưởng trong các chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại.”

4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“**1. Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá của đơn vị hàng hoá, dịch vụ được khuyến mại đó trước thời gian khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng các hình thức quy định tại Điều 7 và điểm b khoản 1 Điều 8, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định này.

2. Tổng giá trị của hàng hoá, dịch vụ dùng đế khuyến mại mà thương nhân thực hiện trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hoá, dịch vụ được khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng hình thức quy định tại Điều 7 và điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

3. Giá trị hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại là chi phí mà thương nhân thực hiện khuyến mại phải bỏ ra để có được hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại tại thời điểm khuyến mại, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Thương nhân thực hiện khuyến mại không trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hàng hoá hoặc không trực tiếp cung ứng dịch vụ dùng để khuyến mại, chi phí này được tính bằng giá thanh toán của thương nhân thực hiện khuyến mại để mua hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại.

b. Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại là hàng hoá của thương nhân đó trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc cung ứng dịch vụ, chi phí này được tính bằng giá thành hoặc giá nhập khẩu của hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại.

4. Trong các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung (như tuần khuyến mại, tháng khuyến mại, mùa khuyến mại, ngày lễ khuyến mại...) thì giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và tổng giá trị của hàng hoá, dịch vụ dùng đế khuyến mại trong một chương trình khuyến mại có thể lên đến 70%. Quy định về hạn mức giá trị tối đa dùng để khuyến mại là 70% cũng được áp dụng đối với các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Chương trình khuyến mại tập trung theo quy định tại khoản 4 Điều này là chương trình do cơ quan nhà nước (cấp Trung ương và cấp tỉnh) chủ trì tổ chức trong một khoảng thời gian xác định, theo hình thức giờ, ngày, tuần, tháng, mùa khuyến mại... nhằm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế có mục tiêu của Quốc gia, của địa phương. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung.”

5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Mức giảm giá tối đa đối với hàng hoá, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá hàng hoá, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại.

2. Trong các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung (như tuần khuyến mại, tháng khuyến mại, mùa khuyến mại, ngày lễ khuyến mại...) thì mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại có thể lên đến 70%. Quy định về mức giảm giá tối đa là 70% cũng được áp dụng đối với các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Không áp dụng hạn mức giảm giá tối đa khi thực hiện khuyến mại giảm giá cho:

a. Hàng hóa dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước;

b. Hàng tươi sống;

c. Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể, thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.”

6. Bổ sung 01 Điều quy định về nghĩa vụ của thương nhân thực hiện khuyến mại như sau:

“**Nghĩa vụ của thương nhân thực hiện khuyến mại**

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2:

a. Thông báo, đăng ký thực hiện khuyến mại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về chương trình khuyến mại (trừ trường hợp thuê thương nhân kinh doanh dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2);

c. Cung cấp cho khách hàng đầy đủ, chính xác và rõ ràng nội dung các thông tin phải thông báo công khai theo quy định tại Điều 96 Luật Thương mại;

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 96 Luật Thương mại và Nghị định này.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2:

a. Các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 96 Luật Thương mại và Nghị định này;

b. Chịu trách nhiệm đối với các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng dịch vụ khuyến mại”.

7. Bổ sung 01 Điều về hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại như sau:

**“Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại**

Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại thực hiện theo quy định của Luật Thương mại và các quy định cụ thể sau:

1. Hàng hóa được khuyến mại không bao gồm rượu, xổ số, thuốc lá, dịch vụ khám, chữa bệnh của Nhà nước, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và các hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa dùng để khuyến mại không bao gồm rượu, xổ số, thuốc lá, thuốc chữa bệnh, thuốc kê đơn (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), sữa cho trẻ dưới 24 tháng tuổi và các hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiền mặt có thể được sử dụng như hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trừ các trường hợp khuyến mại theo quy định tại các Điều 7, Điều 9, Điều 10 Nghị định này.”

8. Bổ sung 01 Điều về hoạt động khuyến mại theo phương thức đa cấp như sau:

“**Hoạt động khuyến mại theo phương thức đa cấp**

1. Không được tổ chức khuyến mại theo mạng lưới đối tượng được hưởng khuyến mại gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, trong đó đối tượng được hưởng khuyến mại hưởng lợi ích từ hoạt động mua hàng của người khác trong mạng lưới.

2. Quy định này không áp dụng với kế hoạch trả thưởng của doanh nghiệp bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về kinh doanh đa cấp.”

9. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 8.Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền**

1. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền bao gồm:

a. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền có kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

b. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền không kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Thương nhân thực hiện khuyến mại tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền phải thông báo cho khách hàng về các điều kiện cụ thể để được tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ, thời gian, địa điểm, cách thức tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các thông tin khác theo quy định.”

10. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 9.Bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (khuyến mại bằng hình thức giảm giá)”**

“4. ***Phương án 1***: Tổng thời gian thực hiện chương trình khuyến mại bằng cách giảm giá đối với một loại nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ không được vượt quá 90 (chín mươi) ngày trong một năm; một chương trình khuyến mại không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày.

***Phương án 2***: Bỏ khoản này.”

11. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 11. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương)**

1. Nội dung của chương trình thi phải bao gồm các thông tin liên quan được quy định tại Điều 97 Luật Thương mại và không được trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Việc tổ chức thi và mở thưởng phải được tổ chức công khai, có sự chứng kiến của đại diện khách hàng và phải được thông báo cho Sở Công Thương nơi tổ chức thi, mở thưởng.

3. Thương nhân thực hiện khuyến mại phải tổ chức thi và trao giải thưởng theo thể lệ và giải thưởng mà thương nhân đã công bố.”

12. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 12. Bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (chương trình khuyến mại mang tính may rủi)**

1. Việc xác định trúng thưởng trong chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải được tổ chức công khai, theo thể lệ đã công bố, có sự chứng kiến của khách hàng.

2. Trong trường hợp bằng chứng xác định trúng thưởng được phát hành kèm theo hàng hóa (gắn kèm, đính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác tương tự), thương nhân thực hiện khuyến mại phải thông báo về thời gian và địa điểm thực hiện việc phát hành kèm bằng chứng xác định trúng thưởng vào hàng hoá cho Sở Công Thương nơi thực hiện việc này.

3. Bằng chứng xác định trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải tuân thủ các điều kiện sau:

a. Được thể hiện dưới dạng vật chất (vé số, phiếu, thẻ dự thưởng; phiếu rút thăm, bốc thăm, quay số; thẻ, tem, phiếu cào; tem, phiếu trúng thưởng; nắp, nút, đáy, vỏ, thân của bao bì sản phẩm hoặc của sản phẩm; chính giải thưởng) hoặc thông điệp dữ liệu (tin nhắn; thư điện tử; mã code, mã giao dịch, mã khách hàng, mã sản phẩm) hoặc các hình thức khác có giá trị tương đương để làm căn cứ cho việc xác định trúng thưởng qua cách thức ngẫu nhiên.

b. Có hình thức khác với xổ số do nhà nước độc quyền phát hành và không được sử dụng kết quả xổ số của nhà nước để làm kết quả xác định trúng thưởng.

4. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải trích 50% giá trị giải thưởng đã công bố vào NSNN trong trường hợp không có người trúng thưởng.

5. Giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi quy định tại khoản 4 Điều này là giải thưởng trong trường hợp hết thời hạn trao thưởng nhưng không có người nhận hoặc không xác định được người trúng thưởng.

6. Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này.”

13. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 13. Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hoá, dịch vụ hoặc các hình thức khác**

1. Thương nhân thực hiện khuyến mại phải tuân thủ quy định về thông báo các thông tin liên quan tại Điều 97 Luật Thương mại; có trách nhiệm xác nhận kịp thời, chính xác sự tham gia của khách hàng vào chương trình khách hàng thường xuyên.

2. Thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức tương đương phải ghi rõ các nội dung sau:

a. Ghi rõ tên thẻ, phiếu và thông tin về khách hàng (họ và tên, CMND/CCCD/Hộ chiếu);

b. Điều kiện và cách thức ghi nhận sự tham gia của khách hàng vào chương trình khách hàng thường xuyên. Trong trường hợp không thể ghi đầy đủ các nội dung nêu tại điểm này thì phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các nội dung đó cho khách hàng khi khách hàng bắt đầu tham gia vào chương trình;

c. Số lượng, trị giá hàng hóa do khách hàng mua phải thể hiện rõ trong thông tin tại thẻ, phiếu để làm căn cứ xác định lợi ích mà khách hàng được tặng thưởng; Điều kiện chi tiết về số lượng, trị giá hàng hóa, dịch vụ do khách mua, sử dụng để được nhận thưởng.”

14. Bổ sung 01 Điều về hình thức khuyến mại chiết khấu:

“**Khuyến mại theo hình thức chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại**

1. Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.

2. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo điều kiện của doanh nghiệp.

3. Thương nhân thực hiện khuyến mại theo hình thức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Luật Thương mại và Nghị định này.”

15. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 14. Khuyến mại hàng hóa, dịch vụ mà quá trình thực hiện có sử dụng internet, phương tiện điện tử, ứng dụng mạng**

1. Thương nhân khi thực hiện các hoạt động, chương trình khuyến mại trong đó quá trình thực hiện có sử dụng mạng internet, phương tiện điện tử, ứng dụng mạng hoặc các phương tiện, công cụ khác phải tuân thủ các quy định về khuyến mại của Luật Thương mại, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Thương nhân cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động khuyến mại của thương nhân kinh doanh, mua bán trên sàn phải tuân thủ pháp luật.”

16. Tên Mục 3 Chương II được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Mục 3. Thông báo, đăng ký, báo cáo kết quả, chấm dứt, đình chỉ thực hiện khuyến mại”**

17. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 15. Thông báo thực hiện khuyến mại**

1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương trong địa bàn thực hiện khuyến mại trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại và các hình thức quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 13. Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương trước khi thực hiện khuyến mại.

2. Không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại trong các trường hợp:

a. Thương nhân thực hiện các chương trình khuyến mại quy định tại khoản 1 Điều này có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;

b. Thương nhân chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a. Gửi hồ sơ thông báo qua đường bưu điện;

b. Nộp hồ sơ thông báo trực tiếp tại trụ sở các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

c. Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương cung cấp. Trường hợp thương nhân sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Bộ Công Thương cung cấp để thông báo đến Sở Công Thương, hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương sẽ có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển tiếp hồ sơ thông báo thực hiện khuyến mại của thương nhân đến cho từng Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại.

4. Hồ sơ thông báo bao gồm 01 Thông báo thực hiện khuyến mại theo mẫu của Bộ Công Thương.

5. Nội dung thông báo thực hiện khuyến mại bao gồm:

a. Tên chương trình khuyến mại;

b. Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);

c. Hình thức khuyến mại;

d. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;

đ. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);

e. Thời gian thực hiện khuyến mại;

g. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);

h. Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng của chương trình khuyến mại;

i. Thể lệ chi tiết chương trình khuyến mại.

6. Thương nhân muốn sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại phải gửi văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đến cơ quan quản lý nhà nước nơi đã thông báo thực hiện khuyến mại.”

18. Điều 16 sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 16. Đăng ký thực hiện khuyến mại**

1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính đăng ký thực hiện khuyến mại và phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 12 và theo các hình thức khác (ngoài các hình thức được quy định từ Điều 7 đến Điều 13 Nghị định này).

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a. Sở Công Thương đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b. Bộ Công Thương đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác (ngoài các hình thức được quy định từ Điều 7 đến Điều 13 Nghị định này và chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại).

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a. Gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện;

b. Nộp hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở các Sở Công Thương tại tỉnh, thành phố nơi thực hiện khuyến mại;

c. Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương cung cấp.

4. Hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại bao gồm:

a. Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại theo mẫu của Bộ Công Thương. Nội dung đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại, bao gồm: tên chương trình khuyến mại; địa bàn khuyến.mại; hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại; hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại; thời gian khuyến mại; khách hàng của chương trình khuyến mại;

b. Thể lệ chương trình khuyến mại theo mẫu của Bộ Công Thương;

c. Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng;

d. Bản sao giấy tờ công bố, xác nhận, chứng nhận… về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật. Văn bản xác nhận hoặc không xác nhận thực hiện theo mẫu của Bộ Công Thương. Trường hợp sau thời hạn này, nếu cơ quan quản lý nhà nước không có văn bản trả lời thì thương nhân được thực hiện chương trình khuyến mại như nội dung đã đăng ký.

6. Trường hợp Bộ Công Thương là cơ quan xác nhận đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại, Bộ Công Thương cung cấp cho Sở Công Thương nơi thương nhân tổ chức khuyến mại nội dung chương trình đã được xác nhận để phối hợp quản lý.

7. Thương nhân muốn sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại phải gửi văn bản đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đến cơ quan quản lý nhà nước nơi đã đăng ký thực hiện khuyến mại.”

19. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 18. Công bố kết quả, trao thưởng và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến mại**

1. Trong trường hợp thực hiện chương trình khuyến mại theo các hình thức quy định tại Điều 11, Điều 12 hoặc các hình thức khác (ngoài các hình thức đã quy định từ Điều 7 đến Điều 13 Nghị định này và chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại), thời hạn công bố kết quả và trao giải thưởng của chương trình không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện khuyến mại.

2. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến mại:

a. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày hết thời hạn trao giải thưởng của chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 12 và các hình thức khác (ngoài các hình thức đã quy định từ Điều 7 đến Điều 13 Nghịđịnh này), thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại phải có văn bản báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nơi đã đăng ký và được xác nhận) về kết quả thực hiện chương trình khuyến mại. Trong trường hợp phải trích 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng vào NSNN, thương nhân phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

b. Thương nhân thực hiện khuyến mại theo các hình thức quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13 Nghị định này không phải báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại.

3. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại theo các hình thức ngoài các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo công khai kết quả trúng thưởng trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức chương trình khuyến mại và tại các địa điểm bán hàng thuộc chương trình khuyến mại.”

20. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thương nhân thực hiện khuyến mại không được chấm dứt việc thực hiện chương trình khuyến mại trước thời hạn đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước có thấm quyền xác nhận, trừ các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Thương nhân thực hiện khuyến mại hết số lượng đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận về hàng hóa, dịch vụ khuyến mại hoặc hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại và đảm bảo đầy đủ quyền lợi khách hàng đã tham gia chương trình.”

19. Điều 20 được bổ sung 01 khoản như sau:

“4. Cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có quyền đình chỉ toàn bộ hoặc một phần hoạt động khuyến mại của thương nhân (không giới hạn ở một chương trình khuyến mại cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này) trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý của mình trong một khoảng thời gian xác định nếu phát hiện thương nhân có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Hành vi vi phạm được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 48 Nghị định 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ và chưa được thương nhân sửa chữa, khắc phục theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;

b. Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.”

21. Bổ sung 01 Điều tại Mục I Chương IV như sau:

“**Nghĩa vụ của thương nhân tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại**

1. Nghĩa vụ của thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

a. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b. Có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, phản ánh của người tiêu dùng hoặc tổ chức, các nhân về hội chợ, triển lãm thương mại; về hàng hóa trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại;

c. Cung cấp đến thương nhân tham gia đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến việc tham gia hội chợ, triển lãm thương mại, các hoạt động trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm thương mại ngoài hoạt động trưng bày hàng hóa;

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 139, Điều 140 Luật Thương mại.

2. Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (tham gia trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại)

a. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về hàng hóa, dịch vụ được trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại;

b. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hàng hóa trưng bày cho đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp;

c. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 138, Điều 139 Luật Thương mại.”

22. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Việc tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ tại hội chợ, triển lãm thương mại phải được nêu rõ trong nội dung đăng ký khi thương nhân thực hiện các thủ tục hành chính đăng ký hoặc đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ khi được trưng bày phải niêm yết rõ hàng hóa đó là hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.”

23. Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (tổ chức cấp giải thưởng) phải được nêu rõ trong nội dungđăng ký khi thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại thực hiện các thủ tục hành chính đăng ký hoặc đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a. Chỉ được tổ chức cấp giải thưởng cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân có đăng ký tham gia việc cấp giải thưởng trong hội chợ, triển lãm thương mại;

b. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp;

c. Đảm bảo công khai, khách quan, công bằng trên cơ sở tự nguyện của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ;

d. Tên giải thưởng, danh hiệu phải bao gồmtên hội chợ, triển lãm thương mại mà thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia và không trái pháp luật, trái với đạo đức, phong tục, tập quán, thuần phong, mỹ tục của Việt Nam;

đ. Không huy động kinh phí dưới mọi hình thức đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia cấp giải thưởng;

e. Không lợi dụng việc cấp giải thưởng và các giải thưởng để có hành vi vi phạm pháp luật;

g. Không ép buộc thương nhân, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia cấp giải thưởng.”

24. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Sở Công Thương nơi dự kiến tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trước 30 ngày trước ngày khai mạc hội chợ, triển lãm thương mại. Quy định này không áp dụng đối với các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Sở Công Thương trả lời xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì Sở Công Thương phải nêu rõ lý do Trường hợp sau thời hạn này, nếu Sở Công Thương không có văn bản trả lời thì thương nhân được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như nội dung đã đăng ký.

3. Trường hợp có từ hai thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại trở lên đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trùng tên, chủ đề, thời gian, địa bàn; Sở Công Thương tổ chức hiệp thương để lựa chọn thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đó.

4. Trường hợp việc hiệp thương quy định tại khoản 3 Điều này không đạt kết quả, Sở Công Thương quyết định xác nhận đăng ký cho một thương nhân hoặc tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại căn cứ vào các cơ sở sau đây:

a) Kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tương tự đã thực hiện;

b) Năng lực tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

c) Kinh nghiệm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cùng tên, cùng chủ đề hoặc các hội chợ, triển lãm thương mại tương tự;

d) Đánh giá của các hiệp hội ngành hàng liên quan.

5. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại phải có văn bản báo cáo Sở Công Thương về kết quả việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo những nội dung đã đăng ký tại Sở Công Thương.

6. UBND tỉnh hàng năm (trước ngày 01 tháng 10) phải công bố Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh trong năm sau.

7. Hội chợ, triển lãm thương mại tổ chức tại Việt Nam phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Hàng hóa tại hội chợ, triển lãm thương mại phải được trưng bày, giới thiệu trong các gian hàng tiêu chuẩn (kích thước 3mx3m) hoặc khu vực tương đương với nhiều gian hàng tiêu chuẩn;

b. Có các dịch vụ phục vụ gồm: Điện, nước, an ninh.

8. Các hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam tổ chức với danh nghĩa của tỉnh, thành phố phải đạt được các tiêu chuẩn theo quy định nêu trên và các quy định khác do UBND tỉnh, thành phố quy định.”

25. Điều 35 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Trường hợp thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký, thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại. Hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải gửi đến Sở Công Thương chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Sở Công Thương xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì Sở Công Thương phải nêu rõ lý do. Trường hợp sau thời hạn này, nếu Sở Công Thương không có văn bản trả lời thì thương nhân được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như nội dung đã đăng ký”.

26. Điều 36 được sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 6 và bổ sung khoản 7 như sau:

“1. Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại thực hiện thủ tục hành chính đăng ký tổ chức chội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài với Bộ Công Thương trước khi tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài. Hồ sơ đăng ký phải được gửi đến Bộ Công Thương trước 45 ngày trước ngày khai mạc hội chợ, triển lãm thương mại. Quy định này không áp dụng đối với các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Bộ Công Thương xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận việc đăng ký thì Bộ Công Thương phải nêu rõ lý do. Trường hợp sau thời hạn này, nếu Bộ Công Thương không có văn bản trả lời thì thương nhân được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như nội dung đã đăng ký.”

“6. Thương nhân tự tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài về hàng hóa, dịch vụ của mình không phải tuân thủ các quy định tại khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này.

7. Việc tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài với danh nghĩa Quốc gia Việt Nam phải đạt được các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương.”

27. Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Trường hợp thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký, thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại. Hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải gửi đến Bộ Công Thương mại chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Bộ Công Thương xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì Bộ Công Thương phải nêu rõ lý do.”

28. Khoản 1 Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo mẫu của Bộ Công Thương. Nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, bao gồm: tên, địa chỉ của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại; tên, chủ đề hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có); thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại; quy mô dự kiến của hội chợ, triển lãm thương mại; việc tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại.”

29. Bổ sung 01 Điều về đình chỉ hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại như sau:

**“Đình chỉ hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền có quyền đình chỉ việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hội chợ, triển lãm thương mại nếu phát hiện có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a)Vi phạm các quy định tại Luật Thương mại và Nghị định này;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung đã đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền.

2. Thương nhân có hội chợ, triển lãm thương mại bị đình chỉ có nghĩa vụ công bố công khai việc bị đình chỉ và thực hiện đầy đủ các cam kết với các thương nhân đã tham gia hội chợ, triển lãm thương mại đó.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có quyền đình chỉ toàn bộ hoặc một phần hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại của thương nhân (không giới hạn ở một hội chợ, triển lãm thương mại cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này) trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý của mình trong thời gian từ 03 đến 06 tháng nếu phát hiện thương nhân có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Hành vi vi phạm được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 50 Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và chưa được thương nhân sửa chữa, khắc phục theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;

b. Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.”

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2017.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 2, khoản 2 và khoản 5 Điều 4, khoản 4 Điều 9, khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 15, khoản 5 và khoản 6 Điều 16, Điều 17, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 38 và Chương III của Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 206 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định**

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (3b).KN. | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |